

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LẬP THẠCH
TỈNH VĨNH PHÚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 26/5/2022

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẬP THẠCH – TỈNH VĨNH PHÚC**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Nga

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Đỗ Ngọc Thịnh

2. Ông Nguyễn Trung Thành

- Thư ký phiên tòa: Bà Lại Phương Thúy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lập Thạch tham gia phiên tòa:
Ông Phạm Quang Hào - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lập Thạch xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 47/2022/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 4 năm 2022 về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 47/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 5 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị S, sinh năm 1991

Nơi ĐKKH: Thôn H, xã N, huyện L, tỉnh V

Nơi ở hiện nay: Khu A, xã V, thị xã P, tỉnh P (có mặt)

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Kiên C, sinh năm 1988

Nơi cư trú: Thôn H, xã N, huyện L, tỉnh V (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn ngày 06/4/2022 và những lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị S trình bày: Chị và anh Nguyễn Kiên C kết hôn vào ngày 03/12/2010, trước khi cưới có tìm hiểu, có tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện L. Kết hôn xong, chị về chung sống cùng gia đình anh C. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc được 1 năm thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn: do anh C có quan hệ ngoại tình, vợ chồng xảy ra cãi nhau, mâu thuẫn giữa con dâu với bố mẹ chồng nên vợ chồng bất đồng quan

điểm, anh C thường đánh đập chị. Đến tháng 03/2019 anh C đi chấp hành án phạt tù tại trại giam Vĩnh Quang, vợ chồng không quan tâm đến nhau. Đến tháng 7/2021, chị đã làm đơn xin ly hôn anh C nhưng sau đó chị rút đơn để vợ chồng về đoàn tụ, hàn gắn nhưng vợ chồng vẫn thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, anh C không tin tưởng chị, ghen tuông vô cớ, vợ chồng cãi chửi nhau. Đến ngày 08/3/2022, chị bỏ nhà đi và vợ chồng chị ly thân nhau từ đó cho đến nay. Nay chị xác định vợ chồng không còn tình cảm, chị xin được ly hôn anh C.

Con chung: Vợ chồng chị có 01 con chung là Nguyễn Bảo L, sinh ngày 29/6/2011. Hiện nay cháu L đang ở với anh C. Ly hôn, chị để anh C trực tiếp nuôi con, chị nhất trí đóng góp nuôi con chung cùng anh C là 2.000.000đ/tháng, kể từ tháng 6/2022 đến khi con đủ 18 tuổi.

Tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức: Chị xác định không có gì và không đề nghị Tòa án giải quyết.

Bị đơn là anh Nguyễn Kiên C trình bày: Anh xác định điều kiện kết hôn, thời gian kết hôn như chị S trình bày là đúng. Kết hôn xong vợ chồng về chung sống cùng gia đình nhà anh. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc đến đầu năm 2019, anh gây tai nạn giao thông và bị Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Tường xử phạt 3 năm tù, anh chấp hành án tại trại giam Vĩnh Quang. Trong thời gian anh chấp hành án, chị S có làm đơn xin ly hôn anh, sau đó rút đơn. Đến tháng 01/2022, anh chấp hành án xong trở về thì vợ chồng có đoàn tụ, chung sống cùng nhau cho đến ngày 08/3/2022 vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do anh ghen tuông vô cớ dẫn đến vợ chồng cãi nhau rồi chị S bỏ nhà đi từ đó cho đến nay. Còn chị S cho rằng anh có người phụ nữ khác bên ngoài, đánh đập chị là không đúng, mà việc vợ chồng cãi nhau là xảy ra trước thời điểm anh đi chấp hành án. Nay anh xác định vợ chồng vẫn còn tình cảm, chị S xin ly hôn anh không đồng ý, anh xin đoàn tụ.

Con chung: Như chị S trình bày là đúng. Trường hợp vợ chồng phải ly hôn anh đồng ý trực tiếp nuôi con và anh yêu cầu chị S phải đóng góp nuôi con chung cùng là 2.000.000đ/tháng kể từ tháng 6/2022 đến khi con đủ 18 tuổi.

Tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức: Anh xác định không có gì và không đề nghị Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lập Thạch phát biểu quan điểm về việc tuân thủ các quy định tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và việc chấp hành pháp luật của chị S, anh C trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình

năm 2014; Điều 357 Bộ luật dân sự; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26 Luật thi hành án dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Về quan hệ vợ chồng: Chấp nhận cho chị Nguyễn Thị S được ly hôn anh Nguyễn Kiên C. Về con chung: giao cho anh C trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung. Chị S đóng góp nuôi con chung cùng anh C là 2.000.000đ/tháng, kể từ tháng 6/2022 đến khi con đủ 18 tuổi. Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức: các bên không đề nghị nên không xem xét. Về án phí: Chị S phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng: Căn cứ vào đơn khởi kiện, tài liệu kèm theo đơn khởi kiện của Chị Nguyễn Thị S và các tài liệu, chứng cứ thu thập trong hồ sơ vụ án. Xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án Hôn nhân và Gia đình là *“Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”*. Bị đơn trong vụ án là anh Nguyễn Kiên C có địa chỉ cư trú tại xã N, huyện L nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện L theo quy định tại Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự.

Về nội dung vụ án:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị S và anh Nguyễn Kiên C là cuộc hôn nhân tiến bộ, hợp pháp, được xây dựng trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, được tự do tìm hiểu và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Vợ chồng kết hôn và có thời gian chung sống hòa thuận, hạnh phúc được thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng không tin tưởng nhau, nghi ngờ nhau có quan hệ ngoại tình nên vợ chồng xảy ra bất hòa. Đến tháng 3/2019, anh C đi chấp hành hình phạt tù, vợ chồng không quan tâm chăm sóc nhau, chị S cũng đã làm đơn xin ly hôn anh C, nhưng chị rút đơn để vợ chồng về đoàn tụ. Đến đầu năm 2022, anh C chấp hành án xong, vợ chồng anh chị đoàn tụ cùng nhau nhưng cũng do thiếu sự tin tưởng nhau, anh C ghen tuông vô cớ dẫn đến vợ chồng bất hòa, tình cảm rạn nứt, mâu thuẫn trầm trọng và vợ chồng anh chị ly thân nhau từ tháng 3/2022 cho đến nay. Chị S xác định vợ chồng không còn tình cảm, chị xin ly hôn anh C; anh C xin đoàn tụ.

Xét cuộc hôn nhân của chị S và anh C, Hội đồng xét xử thấy rằng: Tình cảm vợ chồng giữa chị S và anh C đã lâm vào trầm trọng, cuộc sống vợ chồng không có sự tin tưởng nhau dẫn đến không quan tâm, chăm sóc nhau, thường xuyên cãi nhau và làm cho mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Bản thân anh C cho rằng vẫn còn tình cảm vợ chồng, xin được

đoàn tụ nhưng trong suốt quá trình vợ chồng sống ly thân, anh C không có biện pháp hòa giải để vợ chồng hàn gắn về đoàn tụ, việc anh C xin đoàn tụ chỉ nhằm mục đích kéo dài cuộc hôn nhân không có hạnh phúc. Do vậy đề nghị xin ly hôn của chị S là có căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, cần được chấp nhận.

[2] Về con chung: Xét thấy việc chị S và anh C thống nhất, trường hợp ly hôn anh C trực tiếp nuôi cháu Nguyễn Bảo L, sinh ngày 29/6/2011. Chị S đóng góp nuôi con chung cùng anh C 2.000.000đ/tháng kể từ tháng 6/2022 đến khi con đủ 18 tuổi là hoàn toàn tự nguyện. Hơn nữa, nguyện vọng của cháu L cũng xin được ở cùng anh C nên cần chấp nhận giao cho anh C trực tiếp nuôi cháu L và chị S đóng góp nuôi con chung hàng tháng cùng anh C là 2.000.000đ/tháng kể từ tháng 6/2022 đến khi con đủ 18 tuổi.

[3] Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4]. Về án phí: Chị S phải chịu án phí Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Điều 51, Điều 56; Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 357 Bộ luật dân sự; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26 Luật thi hành án dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Xử cho chị Nguyễn Thị S được ly hôn anh Nguyễn Kiên C

2. Xử về con chung: Giao cho anh C trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cháu Nguyễn Bảo L, sinh ngày 29/6/2011 (Hiện nay cháu đang ở với anh C). Chị S cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh C là 2.000.000đ/tháng, kể từ tháng 6/2022 đến khi con đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án nếu người phải thi hành án không thi hành hoặc thi hành không đầy đủ thì phải chịu lãi suất chậm trả theo quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị S phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm và 300.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai số 0006210 ngày 12 tháng 4 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Lập Thạch. Chị S phải nộp tiếp 300.000đ.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự có quyền kháng cáo lên Tòa án cấp trên để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành án theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Lập Thạch;
- Chi cục THADS Lập Thạch;
- UBND xã N;
- Đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, Văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Lê Thị Nga